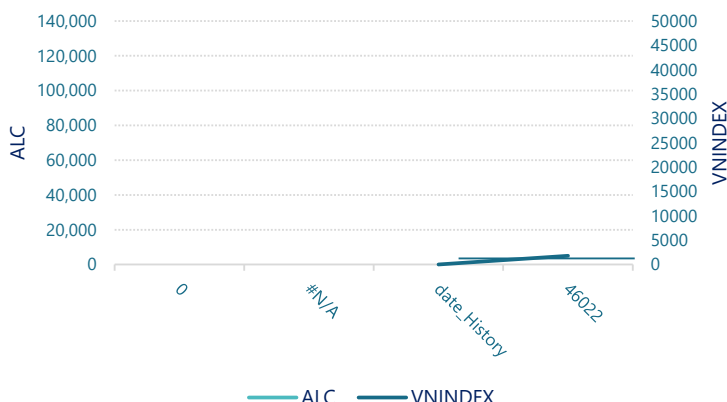


CTCP Âu Lạc (UPCOM: ALC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)

Cao nhất 52 tuần (VNĐ) 131,666

Thấp nhất 52 tuần (VNĐ) 86,104

SL cổ phiếu LH 56,470,620

KLGD BQ 20 phiên (CP)

% sở hữu nước ngoài 35.2%

Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)

Vốn hóa (tỷ VNĐ)

P/E

EPS 5,032

DT thuần

Q4/25

356

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.0 | 3.9%

YoY: ▼ 30.0 | -7.9%

LN sau thuế

Q4/25

93.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 22.9 | 32.5%

YoY: ▼ 10.7 | -10.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

30.5%

+/- YoY: ▲ 5.3%

DT thuần

2025

1,312

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 244 | -15.6%

LN sau thuế

2025

284

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 23.0 | 8.9%

ROE

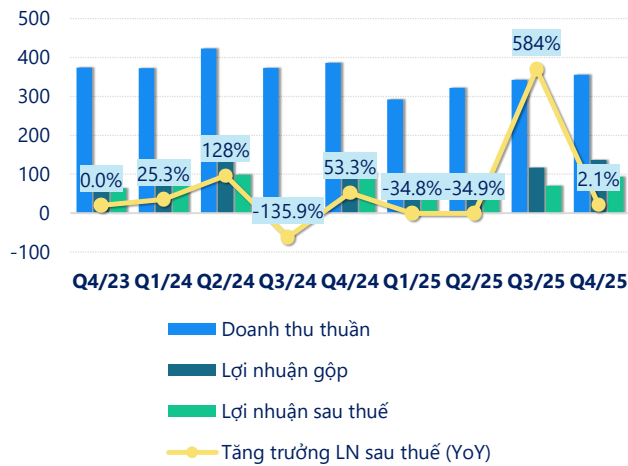
2025

18.8%

+/- YoY: ▼ 1.2%

tỷ VNĐ

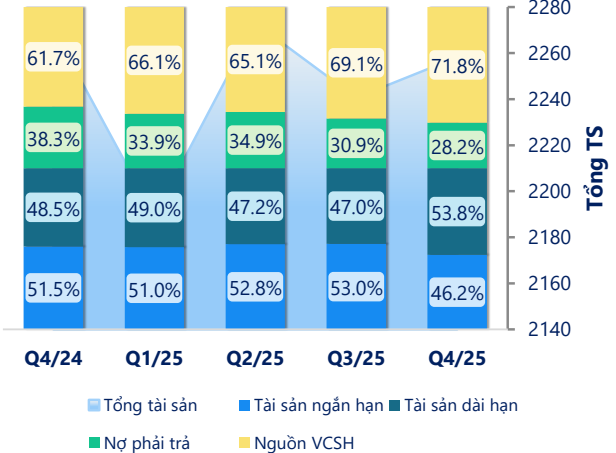
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

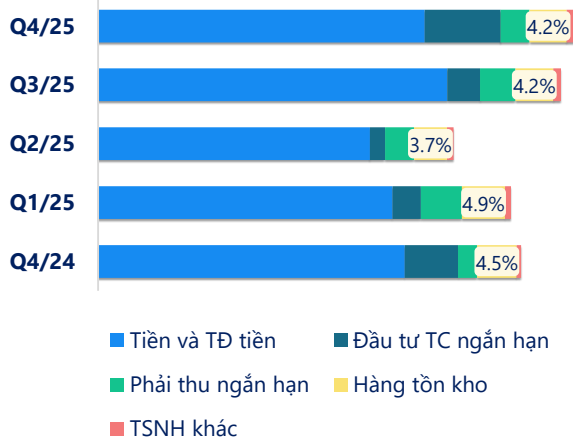
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



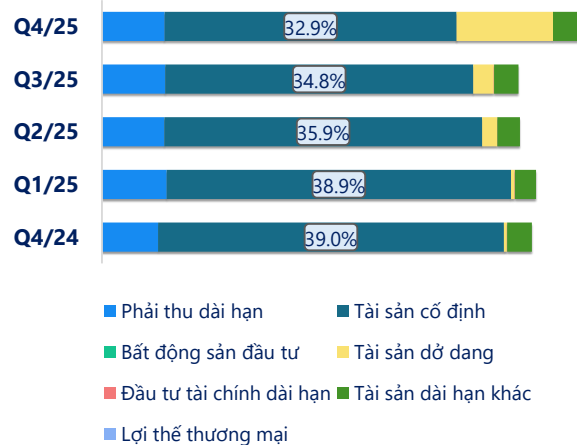
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

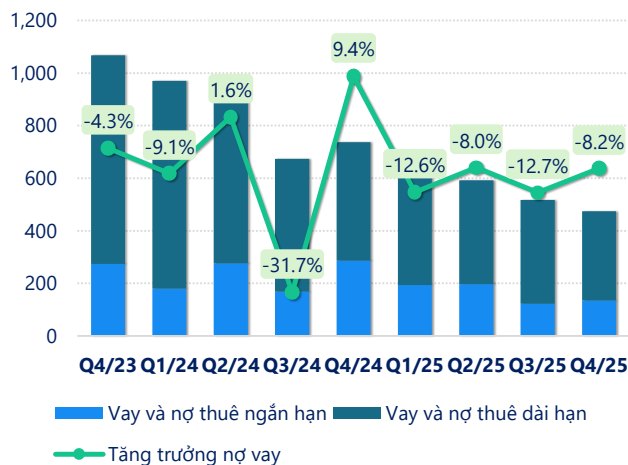
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

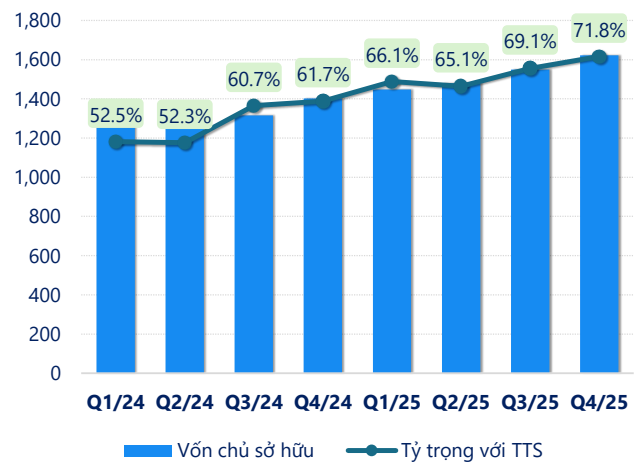
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

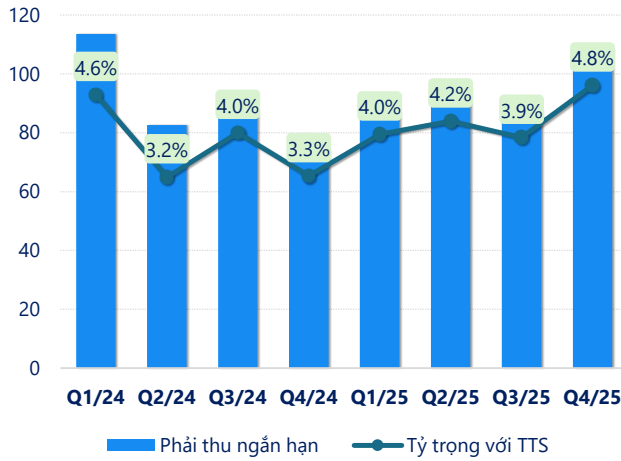
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



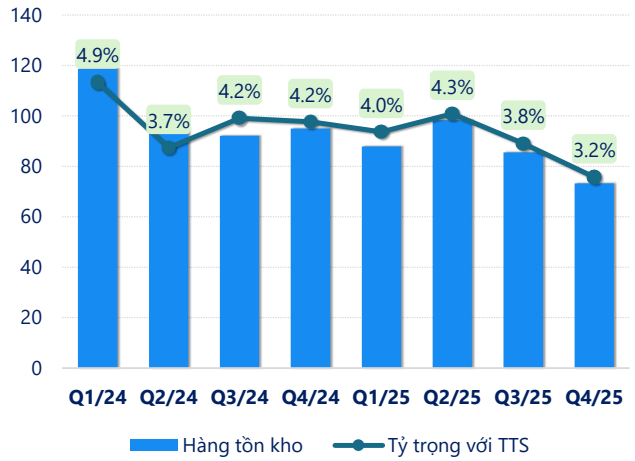
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


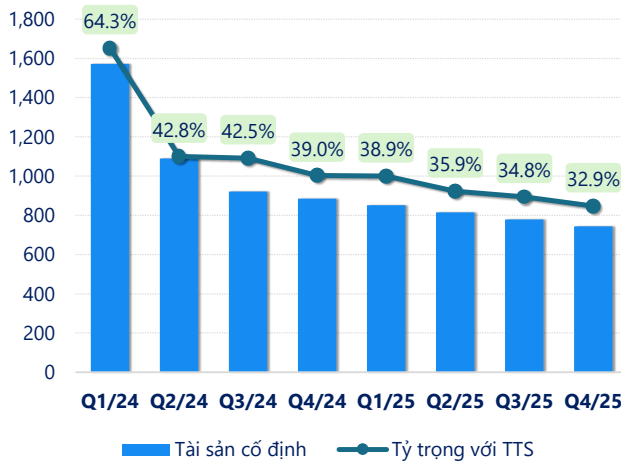
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


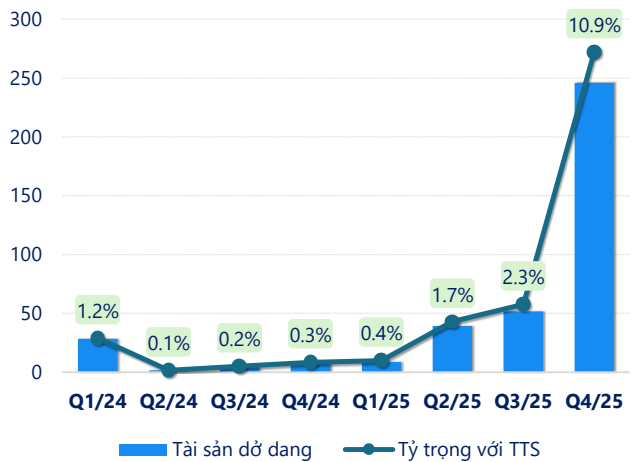
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

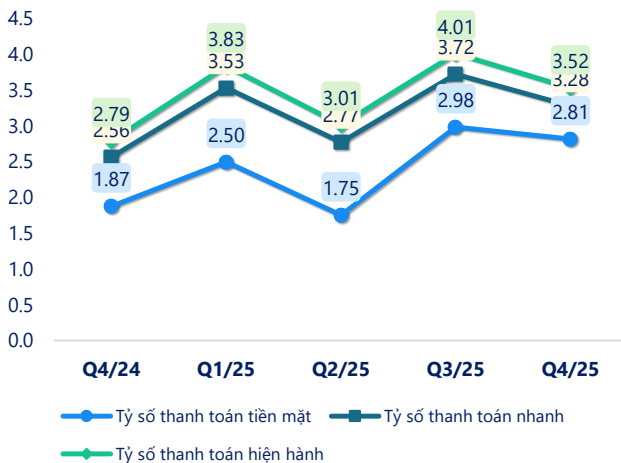
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

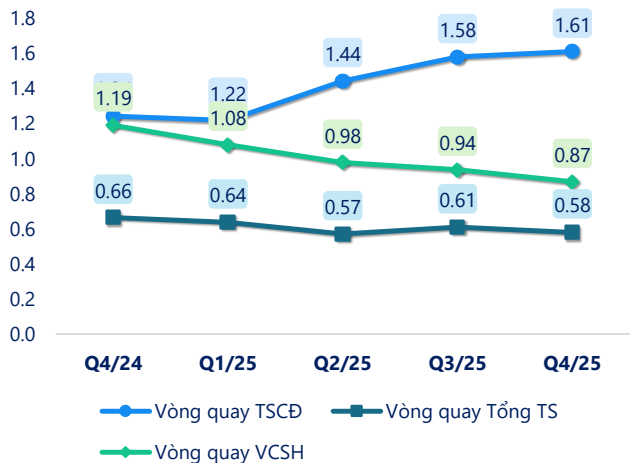
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	2,270	2,189	2,273	2,241	2,258
Tài sản ngắn hạn	1,169	1,117	1,201	1,188	1,043
Tiền và tương đương tiền	786	727	698	883	833
Đầu tư tài chính ngắn hạn	194	194	289	110	8.30
Phải thu ngắn hạn	74.1	87.0	95.3	87.8	109
Hàng tồn kho	95.0	87.9	98.3	85.5	73.3
Tài sản ngắn hạn khác	20.0	20.3	20.2	20.9	20.2
Tài sản dài hạn	1,101	1,072	1,072	1,053	1,215
Phải thu dài hạn	144	160	160	160	160
Tài sản cố định	885	851	815	779	744
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	7.74	8.76	39.2	51.7	246
Đầu tư tài chính dài hạn	0.70	0.70	0.39	0.39	0.38
Tài sản dài hạn khác	63.4	52.2	57.7	61.6	65.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	869	741	793	691	636
Nợ ngắn hạn	419	291	398	296	296
Vay và nợ thuê ngắn hạn	287	194	197	122	134
Phải trả người bán ngắn hạn	16.2	27.5	61.5	34.8	20.9
Nợ dài hạn	450	450	395	395	340
Vay và nợ thuê dài hạn	450	450	395	395	340
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,401	1,448	1,480	1,549	1,622
Vốn chủ sở hữu	1,401	1,448	1,480	1,549	1,622
Vốn điều lệ	565	565	565	565	565
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)